

Bản án số: **31** /2019/HS-ST
Ngày 25-11-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Văn Chương

Thẩm phán: Bà Nguyễn Thanh Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hiên

Bà Đỗ Hồng Hạ

Bà Nguyễn Phương Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:
Ông Hứa Văn Trọng - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 30/2019/TLST-HS ngày 05 tháng 11 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2019/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 11 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Vi Văn Đ** (tên gọi khác: Không), sinh năm 1981, nơi sinh: tỉnh Tuyên Quang.

Nơi cư trú: Thôn K, xã C, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 5/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; đoàn thể, đảng: Không; con ông Vi Văn B (đã chết) và bà Lương Thị N, sinh năm 1959; Có vợ Lệnh Thị M, sinh năm 1988 và con 03 con, con lớn nhất sinh năm 2010, con nhỏ nhất sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 26/8/2019, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Ông ĐQC, Luật sư Công ty Luật TNHH MTV QC - Cộng tác viên của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Tuyên Quang.

Địa chỉ: Khu dân cư L, tổ 23, phường P, huyện T, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

- *Bị hại:* Chị Vi Thị T, sinh năm 1984; Có mặt.

Nơi cư trú: Thôn K, xã C, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị Lệnh Thị M, sinh năm 1988; vắng mặt.

Nơi cư trú: Thôn K, xã C, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

- *Người làm chứng*

1. Bà Lương Thị N, sinh năm 1959; có mặt.

2. Anh Triệu Văn Q, sinh năm 1975; có mặt.

3. Anh Vi Văn C, sinh năm 1988; có mặt.

4. Anh Trần Văn V, sinh năm 1976; có mặt.

Đều cư trú tại: Thôn K, xã C, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2015, Vi Văn Đ trú tại thôn K, xã C, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang và Vi Thị T (em gái Đ) được bà Lương Thị N (mẹ đẻ của Đ và T) chia đất tiếp giáp đường liên thôn thuộc quyền sử dụng của mình tại thôn K, xã C, huyện Y. Đ được chia một mảnh đất (kích thước 05m x 30m), T được chia một mảnh đất hiện đang sử dụng (kích thước 13m x 30m), việc chia đất chỉ thỏa thuận bằng miệng, đến nay vẫn chưa làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngày 22/8/2019, T cùng Triệu Văn Q (chồng T) nhờ Vi Văn C (em của T và Đ) và Trần Văn V (con nuôi của bà N) ở cùng thôn đến tháo dỡ nhà cũ và thuê máy cuốc san nền để làm nhà mới trên diện tích đất đã được bà N chia.

Chiều cùng ngày trên đường về nhà, Đ đi qua nhà T thấy vợ chồng T đang san ủi đất. Đ đi về nhà, sau đó ăn cơm tối cùng vợ con, quá trình ăn cơm Đ uống khoảng 0,5 lít rượu. Ăn xong Đ lên giường nằm và nghĩ đến việc bà N cho Tâm nhiều đất là do T ở gần và được thiên vị hơn nên Đ đã nảy sinh ý định giết chết T, rồi sau đó tự tử để không ai được hưởng nhiều đất hơn ai. Đ đi xuống bếp lấy 01 con dao chuôi gỗ (dài 30cm, bản dao rộng nhất 3,9cm) ở trên gác bếp, rồi lấy xe mô tô (không biển kiểm soát) đi sang nhà bà N, đi được khoảng 30m do đường trơn trượt Đ bị ngã xe mô tô đổ xuống ao cạnh đường (nhà Đ cách nhà bà N

khoảng 300m), Đ bỏ xe mô tô ở đó, tiếp tục cầm dao đi bộ đến nhà bà N, mục đích để tìm giết T.

Khoảng 20 giờ cùng ngày, Đ đến nhà T thấy nhà T đã dỡ, Đ đi sang nhà bà N (nhà sàn ba gian, hai trái) nhìn lên trên nhà thấy mọi người đang ngồi ăn cơm ở gian đầu tiên trên nhà sàn vị trí cầu thang lên xuống, cùng ăn cơm có Q, C, V, bà N và T, khi đó T đang ngồi lưng quay ra cửa chính. Đ lên cầu thang, đến phía sau T, tay trái túm tóc, giật ngửa đầu T về phía sau, tay phải cầm chuôi dao hướng lưỡi dao về trước cổ T và nói: “*Tao giết mày*”, thì T cúi đầu xuống và quay mặt sang trái, Đ cầm dao cắt một nhát từ phía dưới cầm bên phải của T kéo theo chiều từ trước về sau qua phần cổ phải đến phần sau gáy gây thương tích. T giằng co với Đ để thoát ra, quá trình giằng co, dao cắt trúng vào vành tai phải và 1/3 mặt ngoài cánh tay phải của T. Q chạy đến đẩy Đ ngã ra nền nhà, T vùng dậy bỏ chạy sang nhà V. Đ bị Q đẩy ngã, tay vẫn cầm dao khua về phía Q làm xây xước da ngón trỏ bàn tay phải và vùng ngực trái. Bà N vào giữ tay cầm dao của Đ, V giằng lấy con dao từ tay Đ và đem xuống bếp giấu. Sau đó Q, V đưa T đến Bệnh viện Đa khoa tỉnh Tuyên Quang cấp cứu. Còn Đ ngồi bàn uống nước tiếp tục chửi bà N, khoảng 10 phút sau anh Vi Văn L là trưởng thôn đến khuyên can. Đ đi về nhà.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 214/2019/TgT ngày 27/9/2019 của Trung tâm Pháp y tỉnh Tuyên Quang kết luận thương tích của Vi Thị T:

- Vành tai phải có sẹo kích thước (02 x 0,1)cm, sẹo màu hồng, mềm, phẳng, bờ mép gọn, hướng từ ngoài vào trong;

- Vùng cầm, cổ bên phải và gáy có sẹo kích thước dài 20cm, rộng 0,15cm, sẹo màu hồng, mềm, phẳng, bờ mép gọn, từ phía dưới cầm bên phải kéo dài theo chiều từ trước ra sau qua phần cổ phải kéo dài đến phần sau gáy. Vận động quay cổ bình thường;

- 1/3 mặt ngoài cánh tay phải có sẹo thẳng dọc từ trên xuống dưới kích thước (06 x 0,15)cm, sẹo màu hồng, mềm, phẳng, bờ mép gọn, không khâu (*sẹo này nạn nhân khai là do bị thương cùng ngày, không được ghi nhận trong biên bản xem xét dấu vết trên thân thể và bệnh án*).

- Tỷ lệ tổn thương cơ thể của Vi Thị T do thương tích gây nên hiện tại là 10% (*Mười phần trăm*).

- Cơ chế, vật gây thương tích: Thương tích trên là do vật sắc tác động trực tiếp gây nên.

Tại Bản kết luận giám định số 613/GĐSH (PC09) ngày 03/9/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang, kết luận: Dấu vết A1, A2, A3,

A4, A5 thu tại hiện trường là máu người; Dấu vết bám dính trên con dao (A6) gửi giám định là máu người, thuộc nhóm máu A; Vi Thị T thuộc nhóm máu A.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Y thu giữ 01 con dao bằng kim loại chuôi gỗ (phần bản dao sát phía chuôi dao bị cong vênh) có tổng chiều dài 30cm, bản dao và lưỡi dao dài 18cm, bản dao rộng nhất là 3,9cm, tại vị trí đầu dao có khuyết lỗ tròn đường kính 01cm, phần cán dao có buộc 3 vòng dây thép là vật chứng của vụ án.

Bản Cáo trạng số 32/CT-VKS-P1 ngày 04 tháng 11 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang đã truy tố bị cáo Vi Văn Đ về tội Giết người theo điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự.

Phân tranh luận, Kiểm sát viên trình bày luận tội: giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Vi Văn Đ như nội dung bản Cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Vi Văn Đ phạm tội “Giết người”. Căn cứ điểm n khoản 1 Điều 123; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 15; Điều 57 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Vi Văn Đ từ 09 năm đến 10 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 26/8/2019.

Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bị hại chị Vi Thị T không yêu cầu bị cáo Vi Văn Đ bồi thường nên không xem xét giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 (một) con dao bằng kim loại chuôi gỗ.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo Vi Văn Đ trình bày luận cứ: Về tội danh Viện kiểm sát truy tố là đúng người, đúng tội, nhưng việc truy tố mâu thuẫn với Quyết định khởi tố vụ án và Kết luận điều tra vì khi khởi tố theo khoản 2 Điều 123 Bộ luật Hình sự; bị cáo và bị hại có mâu thuẫn lâu dài về đất đai, nên bị cáo phạm tội không thuộc trường hợp có tính chất côn đồ. Bị cáo phạm tội có các tình tiết giảm nhẹ: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo là người dân tộc thiểu số, có nhân thân tốt, trình độ văn hóa thấp, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, gây thiệt hại không lớn, phạm tội chưa đạt. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 123; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 15; Điều 57 của Bộ luật Hình sự, công văn 38/CV-TA ngày 06/01/1976 của Tòa án nhân dân tối cao, Điều 298 Bộ luật Tố tụng hình sự, xử phạt bị cáo Vi Văn Đ mức án khởi điểm của khoản 2 Điều 123 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Vi Văn Đ nhất trí với lời bào chữa của luật sư, không bổ sung thêm ý kiến.

Bị hại chị Vi Thị T trình bày: Bị cáo và bị hại là anh em ruột, trong cuộc sống không có mâu thuẫn gì, từ năm 2014 anh em có xô sát với nhau, nhưng do tính tình bị cáo nóng nảy, nên chị ít tiếp xúc; chị không biết bị cáo có ý định giết chị, nay bị cáo đã phạm tội giết người, vì tình cảm gia đình chị xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, để sau này bị cáo trở thành người công dân tốt có ích cho xã hội, về phần bồi thường dân sự chị không yêu cầu giải quyết.

Kiểm sát viên thực hiện việc đối đáp: Khi khởi tố vụ án Viện kiểm sát nhân dân huyện Y phê chuẩn quyết định khởi tố theo khoản 2 Điều 123 Bộ luật Hình sự; khi truy tố Viện kiểm sát đánh giá toàn bộ chứng cứ đã thu thập của vụ án, không căn cứ vào Quyết định khởi tố vụ án và Bản kết luận điều tra đề nghị, nên việc truy tố đối với bị cáo là không mâu thuẫn, bị cáo phạm tội có tính chất côn đồ theo điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát không nhất trí truy tố bị cáo theo khoản 2 Điều 123 và không đề nghị áp dụng điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo.

Kết thúc phân tranh luận, bị cáo Vi Văn Đ nói lời sau cùng, bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử phạt bị cáo mức án thấp nhất để bị cáo sớm được trở về cùng gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, bị cáo Vi Văn Đ tiếp tục thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, Biên bản khám nghiệm hiện trường, Biên bản xem xét dấu vết trên thân thể, Kết luận giám định, Biên bản nhận dạng và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 20 giờ ngày 22/8/2019, tại nhà bà Lương Thị N ở thôn K, xã C, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang, do bị cáo tự suy nghĩ về việc mẹ chia quyền sử dụng đất trong gia đình không công bằng, Vi Văn Đ đã có hành vi dùng dao chuôi gỗ (kích thước 30cm x 3,9cm) cắt một nhát từ vùng cằm, cổ bên phải của chị Vi Thị T (em gái Đ) theo hướng từ trước ra sau đến phần sau gáy nhằm mục đích giết chị T, vết thương có kích thước 20cm x 0,15cm. Ngoài ra, trong quá trình giằng co, Đ đã dùng dao gây thương tích cho chị T ở vành tai phải (kích thước 02cm x 0,1cm) và 1/3 mặt ngoài cánh tay phải

(kích thước 06cm x 0,15cm). Hậu quả: Chị Vi Thị T bị tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 10% (*Mười phần trăm*).

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo Vi Văn Đ là đặc biệt nghiêm trọng, bị cáo đã có hành vi dùng dao chuôi gỗ là hung khí nguy hiểm cắt một nhát vùng cằm, cổ bên phải của chị Vi Thị T nhằm mục đích giết chết chị T, bị cáo phạm tội có tính chất côn đồ hung hãn, giết người vì nguyên cớ nhỏ nhặt. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến tính mạng, sức khỏe của bị hại, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương. Bản thân bị cáo là người có đủ năng lực nhận thức được hành vi của mình nhưng đã coi thường pháp luật, coi thường tính mạng của người khác. Bị cáo phạm tội do lỗi cố ý, hậu quả chị T không chết là ngoài ý muốn chủ quan của bị cáo. Như vậy, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang truy tố đối với bị cáo là đúng người, đúng tội. Hội đồng xét xử đủ căn cứ quy kết bị cáo Vi Văn Đ phạm tội Giết người, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự, do vậy cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo mới có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt và phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đó là: Tại giai đoạn điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; bị cáo là người dân tộc thiểu số, trình độ văn hóa thấp; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo phạm tội chưa đạt, quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 57 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về mức án Viện kiểm sát đề nghị, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nên xử bị cáo Vi Văn Đ mức án trong mức đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

[6] Về luận cứ bào chữa của Luật sư: Trên cơ sở nội dung tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy không có căn cứ để xét xử bị cáo theo khoản 2 Điều 123 Bộ luật Hình sự và không áp dụng điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo, nên yêu cầu của Luật sư không được chấp nhận.

[7] Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Bị hại Vi Thị T không yêu cầu bị cáo bồi thường, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 (một) con dao bằng kim loại chuôi gỗ (phần bản dao sát phía chuôi dao bị cong vênh) có tổng chiều dài 30cm, bản dao và lưỡi dao dài 18cm, bản dao rộng nhất là 3,9cm, tại vị trí đầu dao có khuyết lỗ tròn đường kính 01cm, phần cán dao có buộc 3 vòng dây thép.

[9] Đối với thương tích của Triệu Văn Q, quá trình điều tra Quang không yêu cầu giám định thương tích và không đề nghị xem xét, xử lý Vi Văn Đ. Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Tuyên Quang có Công văn số 2074 ngày 25/10/2019 chuyển Công an huyện Y, tỉnh Tuyên Quang xem xét xử lý theo quy định.

[10] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên thuộc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tuyên Quang; Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người bào chữa cho bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[11] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[12] Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điểm n khoản 1 Điều 123; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 15; Điều 57; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Vi Văn Đ phạm tội “Giết người”.

Xử phạt: Bị cáo Vi Văn Đ 09 (chín) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (26/8/2019).

Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) con dao bằng kim loại chuôi gỗ (phần bản dao sát phía chuôi dao bị cong vênh) có tổng chiều dài 30cm, bản dao và lưỡi dao dài 18cm, bản dao rộng nhất là 3,9cm, tại vị trí đầu dao có khuyết lỗ tròn đường kính 01cm, phần cán dao có buộc 3 vòng dây thép.

(Tình trạng vật chứng như Biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tuyên Quang và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang lập ngày 06/11/2019).

Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Vi Văn Đ phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 25/11/2019).

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- CQCSĐT Công an tỉnh TQ;
- Phòng PV27 CA tỉnh TQ;
- Trại tạm giam CA tỉnh TQ;
- Cục THADS tỉnh TQ;
- Sở Tư pháp tỉnh TQ;
- Bị cáo;
- Những người tham gia TT;
- Hồ sơ vụ án;
- THA hình sự;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hà Văn Chương